

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-4-2023

“V/v Ly hôn giữa chị NĐ và anh BĐ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Ngọc Diệu.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phượng Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn NĐ, sinh năm 1983.

Địa chỉ thường trú: 766/3, ấp B, xã T, huyện G, tỉnh B.

Địa chỉ liên lạc: 15/22, Đoàn N, phường MB, quận B, Thành phố H.

2. Bị đơn: Anh Ngô BĐ, sinh năm 1978;

Địa chỉ thường trú: 766/3, ấp B, xã T, huyện G, tỉnh B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị NĐ và anh BĐ vắng mặt (chị NĐ và anh BĐ đều có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2023, bản tự khai ngày 10/4/2023, biên bản hòa giải ngày 19/4/2023, đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 19/4/2023, nguyên đơn là chị Nguyễn NĐ trình bày:

Chị và anh Ngô BĐ chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh B. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, những năm gần đây, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn trầm trọng nên chị bỏ nhà đi và không sống chung với anh BĐ đến nay khoảng hơn 02 năm. Nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm được, hôn nhân không đạt được mục đích nên chị yêu cầu ly hôn anh BĐ.

Chị và anh BĐ có 01 con chung là Ngô A, sinh năm 2003, đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được.

Chị và anh BĐ tự thỏa thuận về tài sản chung, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị và anh BĐ không có nợ chung.

Do bận công việc, chị làm công nhân, khó xin nghỉ phép nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 12/4/2023, biên bản hòa giải ngày 19/4/2023, bị đơn là anh Ngô BĐ trình bày:

Anh và chị Nguyễn NĐ chung sống với nhau năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh B vào năm 2007. Hôn nhân do vợ chồng tự nguyện tìm hiểu. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, có cự cãi. Đầu năm 2020, chị NĐ đi làm, anh không cho đi nhưng chị NĐ vẫn trốn đi đến 02 năm mới về nhà mẹ của chị NĐ chứ không về với anh. Trong thời gian chị NĐ bỏ đi, anh không liên lạc với chị NĐ được, hai bên không qua lại cho đến khi chị NĐ nộp đơn khởi kiện tại Tòa án thì chị NĐ mới báo cho anh biết.

Hiện nay, chị NĐ xin ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương chị NĐ.

Anh và chị NĐ có 01 con chung là Ngô A, sinh năm 2003, đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được.

Anh và chị NĐ có tài sản chung là nhà và đất nhưng nếu ly hôn thì hai vợ chồng tự thỏa thuận nên không kê khai chi tiết và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Anh và chị NĐ không có nợ chung.

Anh đã trao đổi với chị NĐ để vợ chồng hàn gắn nhưng chị NĐ vẫn kiên quyết ly hôn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh vì anh bận đi làm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn NĐ.

- Về hôn nhân: chị Nguyễn NĐ được ly hôn anh Ngô BĐ.
- Về con chung: có 01 con chung là Ngô A, sinh năm 2003, đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được.
- Về tài sản chung: cả hai trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: cả hai trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn NĐ khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Ngô BĐ. Anh Ngô BĐ là bị đơn trong vụ án, cư trú tại xã H, huyện G, tỉnh B. Theo quy định tại điểm a khoản 1

Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B.

Chị NĐ, anh BĐ đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị NĐ, anh BĐ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn NĐ và anh Ngô BĐ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh B vào năm 2007 nên quan hệ hôn nhân của chị NĐ và anh BĐ được xem là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Tuy nhiên, chị NĐ và anh BĐ đều cho rằng trong thời gian chung sống, anh, chị có phát sinh mâu thuẫn trong gia đình, có cự cãi nên vợ chồng đã không sống chung khoảng 02 năm. Chị NĐ xin ly hôn, anh BĐ cũng thừa nhận giữa anh và chị NĐ có sự bất đồng quan điểm sống nhưng không đồng ý ly hôn với lý do là anh còn thương chị NĐ. Tuy nhiên, chị NĐ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kiên quyết ly hôn.

Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị NĐ và anh BĐ đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị NĐ để giải quyết cho chị NĐ được ly hôn anh BĐ.

[3] Về con chung: Chị NĐ và anh BĐ có một con chung là Ngô A, sinh năm 2003, đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được.

[4] Về tài sản chung: Chị NĐ và anh BĐ trình bày không tranh chấp tài sản chung.

[5] Về nợ chung: Chị NĐ và anh BĐ trình bày không có nợ chung.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị NĐ phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 3189 ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Chị NĐ đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn NĐ.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn NĐ được ly hôn anh Ngô BĐ.
- Về con chung: Chị Nguyễn NĐ và anh Ngô BĐ có 01 con chung là Ngô A, sinh năm 2003, đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được.
- Về tài sản chung: Chị Nguyễn NĐ và anh Ngô BĐ trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Chị Nguyễn NĐ và anh Ngô BĐ trình bày không có nợ chung.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn NĐ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 3189 ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh B. Chị NĐ đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Hưng Nhượng;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Phạm Thị Thu Trang